|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2021/QĐ-UBND  **Dự thảo lần 2** | *Đắk Lắk, ngày tháng năm 2021* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật**

**của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 49/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số /TTr-STP ngày tháng năm 2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Điều 2.** Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện, báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày… tháng ... năm … và thay thế Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản QPPL của HĐND, UBND trên địa bàn tỉnh./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ;  - Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;  - TT.Tỉnh ủy; TT.HĐND tỉnh;  - CT, PCT UBND tỉnh;  - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;  - UBMTTQ Việt Nam tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Như Điều 3 *(UBND cấp huyện sao gửi UBND cấp xã);* - Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;  - Website, Công báo tỉnh;  - VP UBND tỉnh: LđVP;  + Các P, TP; - Lưu: VT, NC80. |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**    **Phạm Ngọc Nghị** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của**

**Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …./2021/QĐ-UBND*

*Ngày … tháng …. năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; soạn thảo, thẩm định, thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Những vấn đề khác không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

**Điều 2. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp, trừ việc lập, xây dựng danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại Mục 2, Chương II của Quy định này.

2. Cơ quan nêu tại khoản 1 điều này kiểm tra hồ sơ gửi đến trước khi báo cáo hoặc trình Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua. Đối với hồ sơ chưa bảo đảm theo quy định của pháp luật thì có văn bản đề nghị cơ quan lập đề nghị, cơ quan chủ trì soạn thảo bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, xử lý theo quy định.

**Điều 3. Phương thức thông qua đề nghị, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Thông qua tại phiên họp Ủy ban nhân dân

Áp dụng đối với thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo nghị quyết, quyết định có nội dung phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực hoặc còn có nhiều ý kiến khác nhau.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thông qua dự thảo văn bản quy phạm pháp luật vào phiên họp thường kỳ hằng tháng. Ngày tổ chức phiên họp quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân bằng văn bản

Áp dụng đối với thông qua các dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh không thuộc trường hợp nêu tại khoản 1 điều này.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp về áp dụng phương thức thông qua quy định tại khoản 1, khoản 2 điều này.

**Chương II**

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Mục 1**

**XÂY DỰNG, BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**Điều 4. Đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật**

1. Trừ các nghị quyết, quyết định đã có trong Danh mục văn bản quy định chi tiết Luật do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, văn bản quy phạm phải được cấp có thẩm quyền chấp thuận đề nghị xây dựng trước khi tổ chức soạn thảo.

Đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thực hiện theo Điều 111 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sửa đổi, bổ sung tại điểm a, điểm b khoản 32 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều này.

2. Cơ quan chuyên môn, cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng quản lý nhà nước giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Điều 27, Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề nghị hoặc Sở Tư pháp tổ chức họp để lấy ý kiến về những biện pháp, chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng nghị quyết, quyết định. Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính và cơ quan, tổ chức khác tham gia khi có yêu cầu. Cơ quan đề nghị có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý và chỉnh lý hồ sơ đề nghị.

4. Đối với đề nghị xây dựng nghị quyết tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 27 và Điều 28 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan nêu tại khoản 2 Điều này gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ để cho ý kiến về đề nghị. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Nội vụ phải có văn bản trả lời về các vấn đề được lấy ý kiến. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và gửi đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau về những vấn đề lớn thuộc nội dung của đề nghị xây dựng nghị quyết, quyết định, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập cuộc họp gồm đại diện lãnh đạo cơ quan đề nghị, Sở Tư pháp, các cơ quan có liên quan để thống nhất ý kiến trước khi trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Căn cứ vào ý kiến tại cuộc họp này, cơ quan đề nghị phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện đề nghị để trình Uỷ ban nhân dân tỉnh.

**Điều 5. Phân công soạn thảo dự thảo nghị quyết, quyết định**

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh hoặc ý kiến thống nhất của Sở Tư pháp, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân công soạn thảo nghị quyết, quyết định.

2. Nội dung phân công soạn thảo bao gồm: Cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp soạn thảo, thời gian trình; kinh phí bảo đảm cho việc soạn thảo nghị quyết, quyết định.

3. Tuỳ tính chất, mức độ phức tạp của nội dung văn bản, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng Kế hoạch xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và gửi Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh, Sở Tư pháp để theo dõi, đôn đốc.

**Điều 6. Đánh giá tác động của chính sách, tổ chức lấy ý kiến góp ý vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật**

1. Dự thảo nghị quyết quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải đánh giá tác động của chính sách trong quá trình soạn thảo.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo căn cứ tính chất, nội dung của dự thảo để lựa chọn hình thức lấy ý kiến phù hợp theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động lấy ý kiến; tạo mọi điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý vào dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

a) Trường hợp tổ chức họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm thì dự thảo nghị quyết, quyết định phải được gửi đến cơ quan, tổ chức được mời tham dự ít nhất là trước 03 ngày làm việc. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời có trách nhiệm cử đúng thành phần tham dự và có ý kiến đối với dự thảo nghị quyết, quyết định;

b) Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến phải có văn bản góp ý gửi cơ quan chủ trì soạn thảo;

c)Cơ quan, tổ chức hữu quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về ý kiến góp ý của mình.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thiếu nghiêm túc, thiếu trách nhiệm trong hoạt động lấy ý kiến làm cho văn bản không bảo đảm tiến độ,  tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật, tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp sau khi tiếp thu, chỉnh lý, dự thảo văn bản phát sinh nội dung mới liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, cơ quan, tổ chức hữu quan thì cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét, lấy ý kiến đối với những vấn đề mới phát sinh.

**Điều 7. Trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam của cơ quan chủ trì soạn thảo**

1. Tổ chức lấy ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đối với dự thảo nghị quyết, quyết định liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân, quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; tổng hợp, giải trình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về các ý kiến phản biện.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc, trả lời bằng văn bản đối với ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong trường hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện phản biện xã hội đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 8. Thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định**

1. Việc thành lập và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định thực hiện theo Điều 50, Điều 51 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ gửi thẩm định, Sở Tư pháp có trách nhiệm gửi hồ sơ đến thành viên hội đồng tư vấn thẩm định.

Giám đốc Sở Tư pháp ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định.

2. Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan, tổ chức khác cử đại diện tham gia Hội đồng tư vấn thẩm định theo đề nghị của Sở Tư pháp.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân thiếu nghiêm túc, thiếu trách nhiệm trong hoạt động thẩm định làm cho văn bản không bảo đảm tiến độ, tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của văn bản quy phạm pháp luật, thì tùy theo mức độ mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 9. Thông qua đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo nghị quyết, quyết định**

1. Đề nghị xây dựng nghị quyết và dự thảo nghị quyết được ủy viên Uỷ ban nhân dân tỉnh cho ý kiến bằng văn bản trước khi đưa ra thảo luận, thông qua tại cuộc họp của Ủy ban nhân dân tỉnh

Trường hợp tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản, ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi ý kiến góp ý đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo nghị quyết, quyết định đến các ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức phiên họp.

2. Cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tiếp thu các ý kiến ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh, hoàn thiện hồ sơ đề nghị, dự thảo trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức phiên họp hoặc yêu cầu tiếp thu, chỉnh lý của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Trường hợp đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo nghị quyết, quyết định chưa được thông qua, cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục chỉnh lý, hoàn thiện và trình lại tại kỳ họp tiếp theo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**Điều 10. Thẩm tra dự thảo nghị quyết**

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo hoàn thiện hồ sơ dự thảo văn bản và gửi đến Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra trong thời hạn chậm nhất là 15 ngày, trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Ủy quyền cho thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan khác có liên quan làm việc với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình thẩm tra dự thảo nghị quyết, hoàn thiện dự thảo nghị quyết và báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân tỉnh trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày kết thúc việc thẩm tra.

3. Trường hợp sau khi làm việc với Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh mà phát sinh nội dung mới hoặc khác so với dự thảo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua thì cơ quan soạn thảo phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định đối với nội dung đó.

**Mục 2**

**LẬP, XÂY DỰNG, THEO DÕI VIỆC BAN HÀNH**

**VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT**

**Điều 11. Danh mục văn bản quy định chi tiết Luật**

Danh mục văn bản quy định chi tiết Luật là danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

**Điều 12. Trách nhiệm đề xuất và lập danh mục văn bản quy định chi tiết**

1. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có nội dung được giao quy định chi tiết có trách nhiệm:

a) Đề xuất văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, trong đó nêu các nội dung chính như: tên văn bản được quy định chi tiết, điều, khoản, điểm được giao quy định chi tiết; dự kiến tên văn bản quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời hạn trình ban hành*.*

Đối với đề xuất xây dựng nghị quyết bổ sung nội dung về đối tượng, phạm vi điều chỉnh của nghị quyết, nội dung chính của nghị quyết và dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành nghị quyết.

Đối với đề xuất xây dựng quyết định bổ sung nội dung về sự cần thiết ban hành, đối tượng, phạm vi điều chỉnh và nội dung chính của quyết định.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội được thông qua; trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày lệnh, quyết định của Chủ tịch nước được ký ban hành, cơ quan nêu tại khoản 1 điều này gửi danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đến Sở Tư pháp.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận, tổng hợp các đề xuất để lập danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; gửi lấy ý kiến các cơ quan được dự kiến phân công soạn thảo;

b) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan lập và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh danh mục quyết định của Ủy ban nhân dân quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

**Điều 13.** **Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật**

1. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết

a) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành;

b) Chậm nhất là ngày 23 hằng tháng, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước về Sở Tư pháp để theo dõi và tổng hợp. Chậm nhất là ngày 25 hằng tháng, Sở Tư pháp cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước ở địa phương để bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Hằng quý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

**Mục 3**

**XÂY DỰNG, THEO DÕI VIỆC BAN HÀNH**

**VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, THÔNG TƯ CỦA**

**BỘ TRƯỞNG, THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ**

**Điều 14. Văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

Văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ là văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành để quy định chi tiết nghị định của Chính phủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 19 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 20 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**Điều 15. Trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết** **nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ**

1. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan không phải là cơ quan chuyên môn nhưng có chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có nội dung được giao quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm:

a) Thông báo về nội dung giao quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ cho Sở Tư pháp trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nghị định, quyết định, thông tư được ký ban hành.

b) Đề nghị xây dựng văn bản quy định chi tiết theo quy định; đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng thủ tục trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng nghị quyết, quyết định đối với các trường hợp quy định tại khoản 44 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

c) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

d) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (gửi đồng thời cho Sở Tư pháp) về những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

a) Tổng hợp, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ở địa phương bảo đảm tiến độ soạn thảo và chất lượng dự thảo văn bản quy định chi tiết;

b) Theo dõi chung, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tư pháp về tình hình, tiến độ và những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 16. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành ở tỉnh**

1. Thực hiện nghiêm trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 7 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là công tác xây dựng chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; tập trung nguồn lực để tổ chức soạn thảo văn bản quy định chi tiết Luật và các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm chất lượng, đúng thời hạn theo quy định.

3. Tham gia tư vấn thẩm định theo đề nghị của Sở Tư pháp và chịu trách nhiệm về ý kiến tư vấn thẩm định trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương quản lý.

4. Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, kỹ năng cần thiết cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật, pháp chế thuộc cơ quan, đơn vị, địa phương.

5. Kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật theo hướng chuyên nghiệp; điều động, luân chuyển công chức đáp ứng đủ năng lực, trình độ để làm công tác xây dựng pháp luật, đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng pháp luật đủ về biên chế và có năng lực, trình độ phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ theo quy định của Luật.

6. Đảm bảo kinh phí và các nguồn lực khác để nâng cao chất lượng công tác xây dựng, hoàn thiện pháp luật, công tác pháp chế tại cơ quan, đơn vị.

7. Tổ chức lập chuyên mục lấy ý kiến vào đề xuất ban hành nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quy định chi tiết trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; đăng tải các dự thảo đề nghị xây dựng nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tại chuyên mục lấy ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

8. Định kỳ hằng quý, 06 tháng, hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân về tình hình soạn thảo, ban hành văn bản tại cơ quan, đơn vị và gửi Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp.

**Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tư pháp**

1. Chủ trì giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

2. Tổ chức thực hiện tốt công tác thẩm định đề nghị xây dựng nghị quyết, các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc thẩm quyền; thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật, của Nghị định và của Quy định này.

3. Thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kiến nghị chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; kiến nghị hình thức xử lý trách nhiệm đối với các Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm định, trình, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp dự thảo văn bản được phân công thực hiện không bảo đảm về chất lượng, chậm tiến độ, không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật.

5. Định kỳ hằng tháng, 06 tháng, hàng năm báo cáo tình hình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh với Uỷ ban nhân dân tỉnh, Bộ Tư pháp.

**Điều 18. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Kiểm tra việc tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đối với các đề nghị ban hành nghị quyết, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; không trình Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các đề nghị, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa đầy đủ hồ sơ, tài liệu theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP và Quy định này.

2. Phối hợp với Sở Tư pháp thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3. Chỉ đạo lập chuyên mục lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; đăng tải đầy đủ, kịp thời các đề nghị, dự thảo này theo quy định

**Điều 19. Trách nhiệm của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông**

1. Sở Tài chính bố trí đủ kinh phí cho các các sở, ban, ngành để thực hiện hiệu quả công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, công tác pháp chế của cơ quan, đơn vị; bố trí kinh phí cho hoạt động của Hội đồng tư vấn thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Nội vụ phối hợp với các sở, ban, ngành kiện toàn tổ chức, bộ máy, bố trí đủ cán bộ, công chức có đủ năng lực, trình độ thực hiện tốt công tác xây dựng pháp luật, công tác pháp chế./.